

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-PT

Ngày: 31-7-2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng dân
sự bảo lãnh”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Duy Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLPT- DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự bảo lãnh”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2019/QĐ-PT ngày 04/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 107/2019/QĐ-PT ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1965; cư trú tại ấp N1, xã P, huyện T, tỉnh Đ, có mặt.

Địa chỉ liên lạc: Số 08, đường Đ, tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lê Thị Tú A, sinh năm: 1980; cư trú tại số 101, đường T, tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Tiến H, sinh năm: 1951; cư trú tại số 50, đường T, tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền, (Văn bản ủy quyền số 206-Quyền số 01/2019-SCT/CK, CĐ do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 08/7/2019), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Tiến H, sinh năm: 1951; cư trú tại số 50, đường T, tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Vợ chồng ông Bùi Văn H, sinh năm: 1972, bà Trần Thị P, sinh năm: 1978; cư trú tại tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2017, ngày 03/12/2017, 06/12/2017, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Nguyễn Thị Th thì: Vào năm 2017 Bà Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản với nội dung yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Trần Thị P trả nợ số tiền gốc là 295.000.000đ và tiền lãi phát sinh, sau đó bà Th yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản” là nhà, quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H, bà P tại thị trấn M, huyện Đ. Tài sản này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, trước đó ông H nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H, bà P nhưng khi bị phong tỏa tài sản thì ông H không làm thủ tục sang tên hợp pháp nên vào ngày 24/7/2017 ông Lê Tiến H, Bà Lê Thị Tú A và bà Th đã thỏa thuận bà A là người bảo lãnh cho ông Lê Tiến H để trả nợ thay ông H 100.000.000đ để trừ một phần nợ của vợ chồng ông H, bà P bị bà Th khởi kiện và đang yêu cầu Tòa án phong tỏa tài sản. Bà Tú A đã đưa trước 50.000.000đ với điều kiện bà Th phải yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông H thực hiện việc sang tên đổi chủ hợp pháp và bà Th đã thực hiện xong thỏa thuận. Ngày 15/9/2017 ông Lê Tiến H đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H còn ngày 19/8/2017 chưa sang tên được là do thủ tục hành chính chứ không phải lỗi của bà Th, hiện nay ông H, Bà Tú A không trả số tiền 50.000.000đ còn lại cho bà Th như đã cam kết. Việc cản trở nợ giữa bà Th, ông H không có văn bản nào thỏa thuận của vợ chồng ông H, bà P và tại Bản án dân sự xử ngày 27/9/2017 do Bà Tú A chưa trả đủ tiền cho bà Th nên bà Th không trừ nợ cho vợ chồng ông H, bà P. Nay bà Th yêu cầu bà A là người bảo lãnh trả cho bà Th số tiền 50.000.000đ còn lại như văn bản thỏa thuận đã cam kết.

- Theo lời trình bày của bà Đàm Thị Ngọc H, người đại diện theo ủy quyền của Bà Lê Thị Tú A, tại giai đoạn sơ thẩm thì: Vào ngày 16/6/2017 ông Lê Tiến H nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn H, bà Trần Thị P tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H, sau đó nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nhưng nhân viên văn phòng thông báo không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang bị Tòa án phong tỏa tài sản đứng tên ông Bùi Văn H. Sau đó bà Th đến thỏa thuận với

ông H nhưng không được, đến ngày 24/7/2017 bà Th và ông H đã lập biên bản thỏa thuận với nhau như sau:

Ông Lê Tiến H sẽ trả nợ thay cho ông H 100.000.000đ, số tiền này sẽ được cản trừ vào số tiền mà vợ chồng ông H, bà P nợ của bà Th.

Ngày 09/8/2017 nếu ông H không sang tên được thì bà Th phải hoàn trả lại số tiền 50.000.000đ. Số tiền 50.000.000đ còn lại sẽ giao đầy đủ sau khi thực hiện đúng 03 nội dung trên.

Ông H đã đồng ý với thỏa thuận như trên và bà A đã tạm ứng trả 50.000.000đ cho bà Th đồng thời Bà Tú A ký vào biên bản thỏa thuận với tư cách người bảo lãnh nhằm bảo đảm cho ông H mượn tiền để thực hiện thỏa thuận trên chứ Bà Tú A không bảo lãnh thực hiện thay việc thỏa thuận giữa ông H, bà Th.

Giữa Bà Tú A, ông H, bà Th không cam kết gì về việc Bà Tú A bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay cho ông H trong thỏa thuận giữa ông H, bà Th nên việc bà Th khởi kiện là không có căn cứ. Mặt khác theo thỏa thuận thì bà Th không thực hiện nghĩa vụ của mình về thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 09/8/2017 ông H vẫn chưa sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đến ngày 13/9/2017 mới sang tên được cho ông H. Theo biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 ông H sẽ trả nợ thay cho ông H 100.000.000đ, số tiền này sẽ được cản trừ vào số tiền vợ chồng ông H, bà P nợ của bà Th, đây là việc chuyển giao nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ là vợ chồng ông H, bà P với người thế nghĩa vụ là ông H nhưng không hề có chữ ký của vợ chồng ông H, bà P. Bà Th đã nhận tiền của ông H nhưng bà Th không cản trừ nợ cho vợ chồng ông H, bà P theo Bản án số 06/2017/DS-ST ngày 27/9/2017. Bà Tú A yêu cầu tuyên bố giao dịch giữa bà Th, ông H và Bà Tú A ngày 24/7/2017 vô hiệu, yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu, yêu cầu bà Th trả lại số tiền 50.000.000đ cho Bà Tú A.

- Theo lời trình bày của ông Lê Tiến H thì vào ngày 16/6/2017 ông nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Trần Thị P do Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H chứng thực, tuy nhiên khi nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thì nhân viên văn phòng thông báo không cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ngày 30/6/2017 bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm. Ngày 24/7/2017 Bà Nguyễn Thị Th và ông đã lập biên bản thỏa thuận với nhau theo đó ông sẽ trả nợ thay cho ông H 100.000.000đ, số tiền này được cản trừ vào số tiền mà vợ chồng ông H, bà P nợ của bà Th. Bà Th sẽ yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông sang tên hợp pháp. Đến ngày 09/8/2017 nếu ông không sang tên được thì bà Th phải trả lại số tiền 50.000.000đ, số tiền còn lại 50.000.000đ còn lại sẽ giao đủ sau khi thực hiện đúng 03 nội dung trên. Sau đó con gái của ông là Bà Lê Thị Tú A đã tạm ứng trả

50.000.000đ cho bà Th đồng thời các bên đã ký vào biên bản thỏa thuận, bà Th và Bà Tú A đã ký vào biên bản giao tiền ngày 24/7/2017. Tuy nhiên bà Th không thực hiện nghĩa vụ của mình về thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đến ngày 09/8/2017 ông vẫn chưa sang tên được mà đến ngày 13/9/2017 mới hoàn thành việc sang tên. Theo biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 ông trả nợ thay cho ông H 100.000.000đ, số tiền này sẽ được căn trừ vào số tiền mà vợ chồng ông H, bà P nợ bà Th. Đây là việc chuyển giao nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ là vợ chồng ông H, bà P với người thế nghĩa vụ là ông H nhưng không hề có chữ ký của vợ chồng ông H, bà P nên giao dịch này là vô hiệu. Ông H yêu cầu tuyên bố giao dịch giữa bà Th, ông H và Bà Tú A ngày 24/7/2017 vô hiệu, yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu, yêu cầu bà Th trả lại số tiền 50.000.000đ cho ông H, Bà Tú A.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 17/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th đối với Bà Lê Thị Tú A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tiến H, ông Bùi Văn H, bà Trần Thị P về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự bảo lãnh”.

Tuyên bố giao dịch dân sự ngày 24/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Tiến H và Bà Lê Thị Tú A là giao dịch dân sự vô hiệu.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bị đơn Bà Lê Thị Tú A trả số tiền bảo lãnh 50.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2018 Bà Nguyễn Thị Th kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng buộc Bà Tú A, ông H trả cho bà số tiền còn thiếu là 50.000.000đ.

Tại phiên tòa,

Bà Th vẫn giữ nguyên kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa Bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Tiến H và Bà Lê Thị Tú A thỏa thuận trả một phần nợ mà vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Trần Thị P còn nợ bà Th và đang bị khởi kiện tại Tòa án với số tiền là 100.000.000đ, đổi lại bà Th sẽ yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông H hoàn tất

thủ tục sang tên đổi chủ từ việc mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông H, bà P đổi với căn nhà có diện tích 72m² tọa lạc trên lô đất có diện tích 122m² thuộc thửa số 1149, tờ bản đồ số 314c tọa lạc tại tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo đó Bà Tú A đã tạm ứng 50.000.000đ cho bà Th. Do bà Th cho rằng sau khi ông H hoàn tất thủ tục sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Bà Tú A, người bảo lãnh cho ông H trong thỏa thuận nói trên không thanh toán 50.000.000đ còn lại nên có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Tú A phải trả số tiền vừa nêu, Bà Tú A không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *“Tranh chấp Hợp đồng dân sự bảo lãnh”* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Theo hồ sơ thể hiện thì tại biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 ông Lê Tiến H và Bà Nguyễn Thị Th có thỏa thuận về việc ông H sẽ trả nợ thay cho ông Bùi Văn H số tiền 100.000.000đ, số tiền này được căn trừ vào số tiền nợ của vợ chồng ông H, bà P mà bà Th đang khởi kiện tại Tòa án. Đổi lại bà Th sẽ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 02/7/2017 để ông H thực hiện việc sang tên, trong thực tế phía ông H đã thực hiện một phần thỏa thuận, cụ thể Bà Tú A đã ứng trước cho bà Th 50.000.000đ.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng, thực tế bà Th đã nhận tiền của ông H nhưng không trừ nợ cho vợ chồng ông H, bà P bởi lẽ tại Bản án số 06/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ đã buộc vợ chồng ông H, bà P phải trả cho bà Th tổng số tiền là 327.450.000đ (trong đó tiền gốc là 295.000.000đ và tiền lãi là 32.450.000đ) (không trừ số tiền 100.000.000đ mà ông H thỏa thuận trả thay), nên việc ông H trả thay cho vợ chồng ông H, bà P là vượt quá số tiền mà vợ chồng ông H, bà P nợ bà Th, nay bà Th lại yêu cầu Bà Tú A, người mà bà Th cho rằng bảo lãnh cho ông H, phải trả 50.000.000đ mà ông H nhận trả thay cho vợ chồng ông H, bà P, còn thiếu là không phù hợp với thực tế vì ông H và Bà Tú A không có nợ gì bà Th còn khoản nợ của vợ chồng ông H, bà P đã được Tòa án buộc trả toàn bộ, kể cả số tiền 100.000.000đ mà ông H thỏa thuận trả thay.

[4] Bên cạnh đó, nội dung biên bản thỏa thuận lập ngày 24/7/2017 giữa các bên không thể hiện có việc Bà Tú A bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay cho ông H. Mặt khác theo nội dung thỏa thuận *“đến ngày 09/8/2017 nếu ông H không sang tên được thì bà Th hoàn lại số tiền 50.000.000đồng”*. Tuy nhiên khi đến ngày 09/8/2017 ông H vẫn chưa sang tên mà đến ngày 13/9/2017 mới hoàn thành việc sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, điều này chứng tỏ bà Th cũng không thực hiện đúng cam kết của mình. Hơn nữa theo biên bản thỏa thuận thì ông H sẽ trả nợ thay cho vợ chồng ông H, bà P 100.000.000đ và sẽ được căn trừ vào số tiền mà vợ chồng ông H, bà P nợ của bà Th. Như vậy xét về bản chất thì đây là việc

chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ là vợ chồng ông H, bà P và người thế nghĩa vụ là ông H nhưng không có việc thỏa thuận này không có mặt của vợ chồng ông H, bà P, biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 cũng không có chữ ký hay xác nhận của bên có nghĩa vụ nên việc chuyển giao nghĩa vụ không có giá trị pháp lý. Do việc thỏa thuận giữa các bên không phù hợp với quy định của pháp luật nên vô hiệu, không làm phát sinh nghĩa vụ của ông H và bà Th, do đó cũng không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của bà A. Việc bà Th khởi kiện yêu cầu Bà Tú A trả lại số tiền 50.000.000đ ông H còn thiếu theo thỏa thuận nói trên là không có căn cứ chấp nhận

[5] Đối với việc Bà Tú A yêu cầu bà Th phải trả lại số tiền 50.000.000đ đã nhận trước kia, xét thấy yêu cầu này chưa được giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm nên được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Theo hồ sơ thể hiện thì bà Th chỉ yêu cầu Bà Tú A có trách nhiệm trả lại 50.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác; Bà Tú A yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đồng thời buộc bà Th phải trả lại số tiền 50.000.000đ đã nhận tuy nhiên do yêu cầu này phát sinh sau thời điểm cấp sơ thẩm công khai chứng cứ nên đã dành quyền khởi kiện cho Bà Tú A bằng vụ án khác, ông H cũng không có đơn yêu cầu hủy giao dịch này nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên bố giao dịch dân sự ngày 24/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Tiến H và Bà Lê Thị Tú A là giao dịch dân sự vô hiệu là không cần thiết.

[7] Cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan, đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th về việc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí: Buộc Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp Hợp đồng dân sự bảo lãnh” của Bà Nguyễn Thị Th.

1.1. Tuyên bố giao dịch dân sự ngày 24/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Tiến H và Bà Lê Thị Tú A vô hiệu.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tú Anh về việc buộc Bà Lê Thị Tú A phải trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 2.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007604 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Th còn phải nộp 1.250.000đ.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003926 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch

